

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2019

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Anh

Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Quốc Quân và ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX - ST ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hàng Thị T, sinh năm 1993. ĐKKHKT: Bản P, xã P1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Giàng A V, sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT: Bản L, xã L1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI Z1 VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hàng Thị T trình bày:

Chị Hàng Thị T và anh Giàng A V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, anh chị chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị không đăng ký kết hôn do thời điểm đó chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và do dân trí thấp không hiểu biết quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình chị T tại bản P, xã P1, huyện Mai Sơn. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân do anh V thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, không lo làm ăn, chăm sóc vợ con. Anh V có biểu hiện của người nghiện chất ma túy. Anh chị thường xuyên cãi vã, xung

đột với nhau, anh V có hành vi bạo lực đối với chị T. Đến ngày 15/4/2017 anh V bị Đội cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tuyên án 17 năm tù giam. Anh V hiện đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ. Thời gian anh V đi chấp hành án chị T vẫn thường xuyên tới thăm gặp và gửi đồ cho anh nhưng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy đã viết đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Hàng Thị Z, sinh ngày 27/02/2013 và cháu Hàng Thị Z1, sinh ngày 07/03/2015. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung do anh V nghiện ngập đang chấp hành án không có khả năng nuôi con. Chị T không đề nghị anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2019, bị đơn anh Giàng A V trình bày:

Về tình cảm: Về quá trình kết hôn anh V trình bày thống nhất với lời khai của chị T. Anh chị được tự do tìm hiểu, yêu thương nhau, có được gia đình hai bên ủng hộ, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tháng 4 năm 2017 anh có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tuyên phạt 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và đang phải chấp hành án tại trại giam Yên Hạ. Thời gian anh chấp hành án, hai vợ chồng không thể gần gũi, chia sẻ cuộc sống với nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Trước khi đi chấp hành án anh chị cũng có một vài mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nhưng cũng chưa trầm trọng đến mức phải nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Anh được biết việc chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh nhưng anh xác nhận vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Anh có nguyện vọng sau khi chấp hành án xong sẽ quay về đoàn tụ cùng chị T nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Hàng Thị Z, sinh ngày 27/02/2013 và cháu Hàng Thị Z1, sinh ngày 07/03/2015. Anh có yêu cầu chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành do anh đang trong thời gian chấp hành án và không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của đương sự và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát

sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Xác định anh V và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, hai bên tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị về sống tại nhà chị T tại bản P, xã P1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh chị không có mâu thuẫn lớn phải nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Thời gian anh V sống tại bản thường xuyên vắng mặt, đi đâu làm gì không báo cáo với ban quản lý bản. Anh V có biểu hiện của người nghiện chất ma túy. Năm 2017 chính quyền có nhận được tin báo anh V bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án thời hạn 17 năm. Anh chị có 02 con chung là cháu Hàng Thị Z, sinh năm 2013 và cháu Hàng Thị Z1, sinh năm 2015, hiện đang ở cùng mẹ, đề nghị Tòa án giao các cháu con chị T nuôi dưỡng trong trường hợp chị T và anh V ly hôn. Theo ban quản lý bản được biết, trong thời gian chung sống chị T và anh V không có tài sản chung gì, cũng không vay nợ ai. Việc chị T có đơn xin ly hôn với anh V. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hàng Thị T và anh Giàng A V.

Về con chung: Giao cháu Hàng Thị Z và cháu Hàng Thị Z1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Z, cháu Z1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T, anh V xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Hàng Thị T trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ

án là được ly hôn với anh Giàng A V. Anh V có hộ khẩu thường trú tại Bản L, xã L1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và anh V, chị T không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng hợp pháp nên Tòa án mở phiên tòa xét xử để xét yêu cầu của chị T là đúng quy định tại điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hàng Thị T và anh Giàng A V tự nguyện tìm hiểu và về sống chung thành vợ chồng từ năm 2010 đến nay nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Trong quá trình chung sống cùng nhau, hai bên thường xuyên có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống chung. Anh V vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ. Tuy trong quá trình chuẩn bị xét xử anh V không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh V và chị T mặc dù có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì anh V chị T không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hàng Thị T và anh Giàng A V.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Hàng Thị Z, sinh ngày 27/02/2013 và cháu Hàng Thị Z1, sinh ngày 07/03/2015. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị T anh V đều thống nhất giao các cháu Z, cháu Z1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị T, anh V thống nhất trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật hơn nữa anh V là đối tượng nghiện ma túy, hiện đang chấp hành án. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Z, cháu Z1 cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh V, chị T đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14; các Điều 15; 16; 53; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hàng Thị T và anh Giàng A V.

2. Về con chung:

Giao cháu Hàng Thị Z, cháu Hàng Thị Z1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Z, cháu Z1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác.

Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn, anh V được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000VNĐ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0002148 ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Anh

